

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số 18 ngày 25/11/2021 về việc “Yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành tại toà án” của những người yêu cầu:

- *Người yêu cầu:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết V Th - Tổng Giám đốc
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Thi V T - Phó giám đốc ngân hàng chi nhánh Nam Thanh Hoá.

- *Người yêu cầu:* Bà Đoàn T C - SN: 1949

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Q, Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đoàn T T1 - SN 1940

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Q, Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25/11/2021;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự;

NỘI DUNG HÒA GIẢI THÀNH

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

[2] *Nội dung yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án:*

Ngày 03/4/2018, vợ chồng ông Đoàn T T1 và bà Đoàn T C có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại huyện Quảng Xương số tiền: 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Thời hạn cho vay 2 năm; Lãi suất trong hạn 10 % / năm trên nợ gốc; Lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn; Mục đích vay vốn: Phát triển chăn nuôi. Hợp đồng thể hiện tại sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn dùng cho khách hàng cá nhân số 197494897 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Tài sản bảo đảm là: Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số D 0613506 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 24/10/1994, số

vào số 0413QSĐĐ, mang tên bà Đoàn T C (các bên không làm hợp đồng thế chấp, không đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền).

Tính đến ngày 25/11/2021, ông T1 và bà C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 71.639.177đ (Bảy mươi một triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 54.000.000đ, nợ lãi là 17.639.177đ.

Các đương sự thoả thuận thống nhất: Bà C và ông T1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo kỳ hạn như sau:

- + Ngày 20/12/2021: Trả 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/01/2022: Trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/02/2022: Trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/03/2022: Trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/04/2022: Trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/05/2022: Trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/06/2022: Trả 2.000.000đ nợ gốc + 17.639.177đ nợ lãi + lãi phát sinh theo thoả thuận tại sổ vay vốn số 197494897.

Nếu vợ chồng ông T1, bà C vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành toàn bộ số nợ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Tính đến ngày 25/11/2021, ông T1, bà C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 71.639.177đ (Bảy mươi một triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 54.000.000đ, nợ lãi là 17.639.177đ

Bà C và ông T1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo kỳ hạn như sau:

- + Ngày 20/12/2021: Trả 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/01/2022: Trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/02/2022: Trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/03/2022: Trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/04/2022: Trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/05/2022: Trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) nợ gốc.
- + Ngày 20/06/2022: Trả 2.000.000đ nợ gốc + 17.639.177đ nợ lãi + lãi phát sinh theo thoả thuận tại sổ vay vốn số 197494897.

Bà C và ông T1 phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh tiếp theo thoả thuận vay vốn tại sổ vay vốn số 197494897 kể từ sau ngày hoà giải (25/11/2021) cho đến khi bà C, ông T1 thanh toán hết nợ.

Nếu vợ chồng ông T1, bà C vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành toàn bộ số nợ trên.

Khi nào ông T1, bà C trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh như đã thoả thuận trên, thì Ngân hàng phải trả lại cho ông T1 và bà C bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0613506 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương cấp ngày 24/10/1994, số vào sổ 0413QSDĐ, mang tên Đoàn T C.

2. Về chi phí hòa giải tại Tòa án: Các đương sự không phải chịu chi phí hoà giải.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

4. Những người yêu cầu có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác mà không thực hiện được quyền đề nghị theo đúng thời hạn thì thời gian đó không tính vào thời hạn đề nghị. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- VKSND h. Quảng Xương;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Quảng Xương;
- Những người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Huyền